

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **107/2021/HSST**

Ngày: 10/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Tiến

Bà Thái Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 88/2021/HSST, ngày 16/8/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-HS, ngày 26/8/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn U**, Giới tính: Nam, Sinh năm: 1997.

Nơi sinh: tỉnh Bình Thuận; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: khu phố B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: làm nông; Cha: Nguyễn M; Mẹ: Ngô B; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không

Bị can bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 24.5.2021 đến ngày 20.7.2021, hiện đang tại ngoại ở khu phố B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Nguyễn H, sinh năm 1984; Địa chỉ: khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2/ Nguyễn A, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; (vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn T, sinh năm 1994; Địa chỉ: khu phố B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 10/5/2021, Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện phối hợp với Công an xã Vĩnh Tân tuần tra trên địa bàn thôn Vĩnh Phúc xã Vĩnh Tân thì phát hiện Nguyễn U có biểu hiện nghi vấn trộm cắp tài sản nên dẫn giải U về làm việc. Qua đấu tranh U thừa nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị trấn L, cụ thể:

Khoảng 13 giờ ngày 06.8.2019, U điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám đen biển số 59X1 – 745.52 (xe mượn của anh ruột là Nguyễn T) mang theo một cây vạm còng của loại dùng để uốn sắt dài khoảng 40cm đi lòng vòng trên các tuyến đường thuộc thị trấn L để tìm nhà nào sơ hở vào trộm cắp tài sản. U nhìn thấy nhà Nguyễn H đóng khóa cổng bên ngoài, xung quanh vắng người, U liền dùng thanh sắt cây bung ổ khóa cổng rồi đi vào trong, leo lên lỗ thông gió nhà vệ sinh vào trong nhà. U lục lọi đồ đạc khắp tầng trệt nhưng không có tài sản có giá trị, U đi theo cầu thang lên tầng lầu vào phòng ngủ thứ nhất hướng bên tay trái từ dưới cầu thang đi lên lục trong ngăn kéo tủ nhựa màu xanh trắng đặt tại góc phòng lấy được số tiền 15.000.000 đồng. U tiếp tục vào căn phòng ngủ thứ hai hướng bên tay phải từ dưới cầu thang đi lên lục trong tủ bằng gỗ lấy 02 chiếc nhẫn vàng loại 18K trọng lượng 1,126 chỉ, sau khi lấy trộm được tài sản, U đi xuống lầu mở cửa bên hông nhà tẩu thoát. Khoảng 5 ngày sau U mang 02 chiếc nhẫn vàng đến tiệm vàng Tuấn Diệu thuộc khu phố 5, thị trấn L bán được 3.500.000 đồng, số tiền U trộm và bán 02 nhẫn vàng đã tiêu xài cá nhân hết.

Căn cứ Biên bản và Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG ngày 11.6.2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Tuy Phong, kết luận:

+ 02 chiếc nhẫn vàng 18K, tổng trọng lượng 1,126 chỉ trị giá: 2.540.000 đồng/chỉ x 1,126 chỉ = 2.860.040 đồng.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn U trộm cắp tại nhà của Nguyễn H là 15.000.000 đồng + 2.860.040 đồng = 17.860.040 đồng.

Tiếp đến khoảng 14 giờ ngày 18.11.2019, U tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 59X1 – 745.52 dạo quanh các tuyến đường trên địa bàn thị trấn L để tìm nhà sơ hở đột nhập trộm cắp tài sản. Khi đến khu Long Tĩnh thuộc khu phố 5, thị trấn L, U phát hiện nhà Nguyễn A khóa cổng vắng người, U liền nảy sinh ý định vào nhà anh Hùng để trộm cắp tài sản. U leo qua vòng thành ở phía bên hông nhà, thấy có căn nhà nhỏ nghĩ là nhà kho sẽ có tài sản để trộm cắp nên U cậy cửa sổ và bẻ gãy các song cửa bằng gỗ rồi chui vào trong, lục lọi không thấy tài sản gì có giá trị. U lấy một cây cuốc chim có sẵn trong nhà kho đi đến cửa hông nhà chính cậy bung cửa vào bên trong, U lục lọi đồ đạc trong nhà và lấy trộm số tiền khoảng 2.500.000 đồng được để trong túi xách trên tường trong phòng ngủ. Sau khi trộm xong, U leo ra ngoài theo đường cũ rồi tẩu thoát, hiện số tiền trên U đã tiêu xài cá nhân hết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng số: 110/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 11/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn U từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Trả lại cho Nguyễn T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám đen, biển số 59X1 – 745.52.

Lời nói sau cùng: Bị cáo U xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra – Công an huyện Tuy Phong, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn U đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện đúng sự thật, bị cáo không bị bức cung và Cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trộm cắp tài sản, xảy ra nhiều lần do Nguyễn U thực hiện, vào khoảng 13 giờ ngày 06.8.2019 U đột nhập vào nhà

Nguyễn H lấy trộm 15.000.000 đồng và 02 chiếc nhẫn vàng loại 18K trọng lượng 1,126 chỉ có tổng trị giá 17.860.040 đồng. Tiếp đến khoảng 14 giờ ngày 18.11.2019, U tiếp tục đột nhập và nhà Nguyễn A lấy trộm 2.500.000 đồng tiêu xài thì bị phát hiện.

Hành vi đó của bị cáo Nguyễn U đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội nêu trên của Nguyễn U đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, đã bồi thường đầy đủ cho người bị hại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Bị cáo đã 02 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo trên cơ sở cân nhắc các tình tiết của vụ án xét thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội, đồng thời qua đó nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Đối với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận toàn bộ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám đen, biển số 59X1 – 745.52 của Nguyễn T cho U mượn, do không liên quan đến vụ án nên trả lại cho Nguyễn T.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn U phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn U **12 (mười hai)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho Nguyễn T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám đen, biển số 59X1 – 745.52.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/8/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phong và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong).

[2] Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

Lâm Thị Mỹ Kỳ